

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2026/HNGĐ-ST

Ngày 25-3-2026

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LẠNG SƠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Thị Mỹ Hạnh

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Việt

Ông Hoàng Minh Tùng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Hà Thu, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2026/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1997. Số căn cước công dân: 020197008674, ngày cấp: 10/10/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ C.

Nơi đăng ký HKTT: Thôn K, xã Q, tỉnh Lạng Sơn. Chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Lý Văn T, sinh năm 1995. Số căn cước công dân: 020095006305; ngày cấp: 11/8/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ C.

Địa chỉ: Thôn K, xã Q, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lý Văn T trước khi kết hôn được tìm hiểu 01 tháng, sau đó được hai bên gia đình tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã Q, tỉnh Lạng Sơn). Sau khi kết hôn vợ chồng bộc lộ khác biệt trong lối sống, suy nghĩ và cách ứng xử. Sau khi sống chung được 02 tháng chị phát hiện anh Lý Văn T ngoại tình nên đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống. Vợ chồng cũng không liên lạc hỏi thăm nhau và đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lý Văn T.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

Chị Hoàng Thị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt không có lý do. Do đó, không có tài liệu thể hiện quan điểm của bị đơn trong vụ án.

Tại biên bản lấy lời khai của ông Lý Văn K là bố đẻ của anh Lý Văn T ngày 11/02/2026, ông Lý Văn K trình bày: Anh Lý Văn T và chị Hoàng Thị N được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương và có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn hai vợ chồng đi làm xa nên ông không nắm được mâu thuẫn. Kết hôn được 01 năm, chị Hoàng Thị N tự ý bỏ đi với người khác, từ đó vợ chồng không chung sống với nhau nữa. Vợ chồng không có con chung, tài sản chung, nợ chung. Các giấy tờ của Tòa án gửi đến gia đình đều đã nhận được và thông báo cho anh Lý Văn T biết tuy nhiên do đi làm xa nên anh Lý Văn T không về được.

Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của đương sự. Tại văn bản số 10/XM-UBND, ngày 03/01/2026 của Ủy ban nhân dân xã Q, tỉnh Lạng Sơn cung cấp thông tin: Chị Hoàng Thị N và anh Lý Văn T có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã Q, tỉnh Lạng Sơn) ngày 13/5/2022. Vợ chồng không có mâu thuẫn, cãi vã, không có bạo lực gia đình. Qua trao đổi với ông Lý Văn K cho biết vợ chồng kết hôn năm 2022 sau đó hai vợ chồng đi công ty, đến năm 2023 thì chị Hoàng Thị N bỏ đi với người khác. Vợ chồng chưa có tài sản chung.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn vắng mặt, chị Hoàng Thị N có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án nên Tòa án chỉ tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lạng Sơn phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Từ khi thụ lý vụ án Thẩm phán đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Quá trình tiến hành tố tụng tại phiên tòa Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ, bảo đảm đúng quyền lợi và thực hiện nghĩa vụ khi tham gia tố tụng, bị đơn vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, do vậy bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Hoàng Thị N được ly hôn với anh Lý Văn H. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn trình bày là không có nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị Hoàng Thị N phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Hoàng Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lý Văn T có hộ khẩu thường trú tại thôn K, xã Q, tỉnh Lạng Sơn. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 02 Điều 01 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật Tổ tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất do vắng mặt bị đơn và triệu tập phiên tòa hợp lệ lần thứ hai. Chị Hoàng Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, việc vắng mặt nguyên đơn và bị đơn không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là có căn cứ đúng quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị N và anh Lý Văn T được tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập bị đơn để trình bày quan điểm, tổ chức hòa giải nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do dù biết thông tin Tòa án triệu tập điều đó thể hiện việc anh Lý Văn T không mong muốn đoàn tụ cùng chị Hoàng Thị N. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình thì xác định hôn nhân giữa chị Hoàng Thị N và anh Lý Văn T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, theo Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hoàng Thị N.

[4] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày không có con chung, tài sản chung, nợ chung, bị đơn không có ý kiến trình bày. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Hoàng Thị N là nguyên đơn có yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 02 Điều 01 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị N, cho chị Hoàng Thị N được ly hôn với anh Lý Văn T.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn để sung ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị Hoàng Thị N đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001235 ngày 11/12/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 3 - Lạng Sơn;
- Phòng THADS khu vực 3 - Lạng Sơn;
- UBND xã Quý Hòa, T. Lạng Sơn;
- (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lương Thị Mỹ Hạnh